

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-ST

Ngày: 15 – 12 – 2020

“*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Ngọc Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Ngọc Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Địa chỉ trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh K.

Địa chỉ liên hệ: 164 QL1A, khóm 2, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Công T**, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Hộ Phòng – Chi nhánh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền số 1112/UQ-NHKL ngày 10/6/2020 (có mặt).

Bị đơn: Anh **Quách Bửu K** sinh năm 1985 và chị **Nguyễn Thị L** sinh năm 1985, cùng địa chỉ: ấp 23, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K – đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Công T trình bày: Ngày 15/11/2018 Ngân hàng TMCP K cùng anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 0124/18/HĐTD/0201-1576, số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi trong hạn là 13,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi hợp đồng thế chấp số 01471/17/HĐTC-BDS/0201-1576 ngày 15/11/2018 là Quyền sử dụng đất số BT 834102 do UBND huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) cấp ngày 22/9/2014 tọa lạc tại ấp 23, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B,

diện tích 4853,7m² tại thửa số 511 tờ bản đồ số 03 do anh Quách Bửu K đứng tên. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Phong T và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/10/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G.

Hợp đồng đã hết hạn thanh toán nhưng anh K, chị L không thanh toán đầy đủ vốn gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP K, người vay đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do đó Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K, chị L phải thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc vay 50.000.000 đồng; lãi phát sinh tính đến ngày 15/12/2020 là 15.134.822 đồng (lãi trong hạn 3.317.808 đồng, lãi quá hạn 11.391.781 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 425.233 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 16/12/2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh K, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Bị đơn là anh Quách Bửu K và chị Nguyễn Thị L không còn sinh sống tại nơi đăng ký thường trú, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho nguyên đơn biết là cố tình giấu địa chỉ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt nên áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long về việc kiện đòi anh K, chị L trả số tiền vay và lãi tính đến ngày 15/12/2020 là 65.134.822 đồng và lãi phát sinh sau ngày 15/12/2020 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng, niêm yết các văn bản tố tụng cho các bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng các bị đơn vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Quách Bửu K, Nguyễn Thị L theo quy định Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng tín dụng số 0124/18/HĐTD/0201-1576 ngày 15/11/2018 thì anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP K, số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi trong hạn là 13,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Hợp đồng tín dụng đã hết hạn thanh toán nhưng anh K, chị L không thanh toán vốn gốc và lãi nên anh K chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K.

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 0124/18/HĐTD/0201-1576 ngày 15/11/2018 giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết hợp đồng thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn không thanh toán vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán nên bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 65.134.822 đồng (trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/12/2020 là 15.134.822 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng và theo quy định của pháp luật thể hiện tại Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Đề bảo đảm cho khoản tiền vay, bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp số 0147/17/HĐTC-BĐS/0201-1576 ngày 15/11/2018 với Ngân hàng TMCP K, thế chấp quyền sử dụng đất số BT 834102 do UBND huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) cấp ngày 22/9/2014 tọa lạc tại ấp 23, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B, diện tích 4853,7m² tại thửa số 511 tờ bản đồ số 03 do anh Quách Bửu K đứng tên. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/10/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Giá Rai đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là diện tích đất 4853,7m² tại thửa số 511 tờ bản đồ số 03, trên đất có tài sản gắn liền gồm căn nhà chính chiều ngang 5,2m; chiều dài 14,3m; diện tích 74,36m²; nhà phụ chiều ngang 8,0m; chiều dài 10,6m; diện tích 84,8m²; mái che bên hông nhà chiều ngang 2,7m; chiều dài 14,3m; diện tích 38,61m²; nhà vệ sinh nằm rời ngoài nhà chiều ngang 2,0m; chiều dài 3,0m; diện tích 6m². Ngoài ra, trên đất còn có 04 cây dừa đang có trái. Theo các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp thì bên vay là anh K, chị L thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay tiền đối với ngân hàng. Vì vậy, tất cả tài sản này được xử lý để thu hồi nợ cho ngân hàng trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP K theo quy định tại các Điều 298, 299, 317 và 325 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 96 Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã dự nộp 3.000.000 đồng, tổng chi phí thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 2.800.000 đồng, số tiền còn lại 200.000

đồng, Ngân hàng đã nhận lại theo phiếu chi ngày 21/10/2020. Căn cứ điều 157, 158 bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bị đơn phải chịu, do đó anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.800.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468; 470; 298, 299, 317 và 325 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, 95, 96 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 65.134.822 (sáu mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi hai đồng) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 15/12/2020 là 15.134.822 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Kể từ ngày 16/12/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền gốc và lãi trên, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bị đơn không trả đủ, đúng khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 511 tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 834102 do UBND huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) cấp ngày 22/9/2014.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc anh Quách Bửu K, chị Nguyễn Thị L phải trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5, 18, khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị đơn Quách Bửu K, Nguyễn Thị L phải chịu 3.257.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0001828 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Giang Thị Cẩm Thúy